TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 24 - 6- 2021
V/v: *Xin ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Cầm Văn Thanh, ông Phạm Tuấn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Khương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021, về việc Xin ly hôn. Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 01/2021/HNGĐ-ST ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện C1, bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cầm Thị Huyền T. Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa;

- Bị đơn: Anh Lò Văn Q. Địa chỉ: Bản A1, xã B1, huyện C1, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

Người kháng cáo bị đơn: Anh Lò Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Cầm Thị Huyền T trình bày:

Chị và anh Lò Văn Q tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 6 năm, đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh, chị bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn làm cho cuộc sống hôn nhân của gia đình không được hạnh phúc. Nay

chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn Q.

Về con chung: Có một con chung là Lò Vũ Tuệ Q1, sinh ngày 19/10/2015, nếu ly hôn chị yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Có 01 chiếc xe máy Honda Wave @, biển kiểm soát 26K1 - 084.09 đăng ký mang tên Cầm Thị Huyền T, trị giá 17.000.000đ *(mười bảy triệu đồng).* Chị T không yêu cầu chia mà giao lại chiếc xe trên cho anh Lò Văn Q.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Bị đơn anh Lò Văn Q trình bày:

Anh Lò Văn Q nhất trí với nội dung trình bày của chị Cầm Thị Huyền T, tuy nhiên anh không nhất trí yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lò Vũ Tuệ Q1, sinh ngày 19/10/2015 cho đến tuổi trưởng thành *(đủ 18 tuổi),* không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Q xác nhận có 01 chiếc xe máy Honda Wave @ như chị T khai, nhất trí nhận chiếc xe máy nêu trên. Ngoài ra, anh Lò Văn Q yêu cầu chị Cầm Thị Huyền T hoàn trả cho bố mẹ anh các khoản chi phí do bố mẹ anh đã chi nuôi chị T ăn học cho đến khi đi làm là 200.000.000đ *(hai trăm triệu đồng)*.

Về nợ chung: Không có nợ chung

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 01/2021/HNGĐ-ST ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện C1 đã quyết định: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cầm Thị Huyền T được ly hôn với anh Lò Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Cầm Thị Huyền T đươc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lò Vũ Tuệ Q1, sinh ngày 19/10/2015 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Lò Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Anh Q có quyền đi lại, thăm nom con chung, chị T không được gây khó khăn hoặc cản trở anh Q trong việc thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung: Giao cho anh Lò Văn Q được sử hữu 01 chiếc xe mô tô Honda Wave @, biển kiểm soát 26K1 - 084.09 và giấy đăng ký xe mang tên Cầm Thị Huyền T.

4. Bác yêu cầu của anh Lò Văn Q đòi chị Cầm Thị Huyền T hoàn trả các khoản chi phí, số tiền là 200.000.000đ *(hai trăm triệu đồng)* mà anh Q cho rằng bố

mẹ anh Q đã bỏ ra để nuôi chị T ăn học chuyên nghiệp cũng như đến khi xin được việc làm cho chị T.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/3/2021, anh Lò Văn Q có đơn kháng cáo không nhất trí ly hôn và yêu cầu chị Cầm Thị Huyền T hoàn trả khoản tiền do bố mẹ anh Q chi phí nuôi chị T ăn học và xin việc làm là 200.000.000đ.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm*:

Bị đơn anh Lò Văn Q giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo đề nghị giải quyết cho hai vợ chồng trở lại đoàn tụ, nếu chị T vẫn cương quyết ly hôn thì yêu cầu phải T toán cho bố mẹ tôi 200.000.000đ tiền nuôi chị T ăn học và xin việc làm.

Ý kiến tranh luận của chị Cầm Thị Huyền T, không chấp nhận kháng cáo của anh Lò Văn Q, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử thấy rằng:*

[1] Về tố tụng: Tại bản tự khai của anh Q có kê vợ chồng có nợ Ngân hàng 130.000.000đ, chị T xác nhận có nợ nhưng anh Q thường đi làm ăn xa nên một mình chị trả nợ cho Ngân hàng. Quá trình giải quyết cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ khoản nợ và đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, lẽ ra cần hủy án sơ thẩm. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm đã được khắc phục bổ sung, xác định vợ chồng chị T có nợ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - chi nhánh Sơn La theo Hợp đồng tín dụng số HDDTD22020180737 ngày 10/12/2018 số tiền vay gốc là 130.000.000đ, thời hạn vay đến 10/12/2023, số nợ tính đến ngày 31/5/2021 còn dư nợ là 67.157.000đ. Đối với khoản nợ này chị T tự nguyện có trách nhiệm T toán cho Ngân hàng, Ngân hàng nhất trí ý kiến của chị T và có ý kiến nếu chị T không thực hiện theo đúng quy định sẽ khởi kiện chị T bằng vụ kiện dân sự khác nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của anh Lò Văn Q về quan hệ hôn nhân: Chị Cầm Thị Huyền T và anh Lò Văn Q tự nguyện kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Sơn La. Anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q và chị T thường bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên hay xảy ra mâu thuẫn, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 3/2019 cho đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn,

nguyện vọng xin được ly hôn, anh Q cho rằng tình cảm vẫn còn mong muốn được đoàn tụ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập anh Q nhiều lần để hòa giải nhưng anh Q đều không có mặt và không đưa ra được biện pháp gì để khắc phục, hàn gắn lại tình cảm với chị T. Tại cấp phúc thẩm chị T vẫn cương quyết ly hôn, thấy rằng, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không thể kéo dài Tòa án cấp sơ thẩm xét xử cho chị T và anh Q được ly hôn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo đối với khoản tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), anh Q xác định là khoản tiền do bố mẹ anh đã chi phí cho chị T ăn học và xin việc làm. Hội đồng xét xử thấy rằng, cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết đối với yêu cầu này của anh Q là không đúng. Bởi lẽ, nếu là tiền của bố mẹ anh Q thì bố mẹ anh Q phải là người có đơn yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, hoặc ủy quyền cho anh Q thực hiện yêu cầu này đối với chị T, nhưng trong hồ sơ thể hiện không có đơn cũng như ủy quyền của bố mẹ anh Q về yêu cầu này. Tuy nhiên, quá trình giải quyết do anh Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu trên của anh Q cũng là phù hợp nên không nhất thiết phải sửa án sơ thẩm.

Từ nhận định, phân tích nêu trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh Lò Văn Q, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm con chung, chia tài sản chung, án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận Anh Lò Văn Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của anh Lò Văn Q, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 01/2021/HNGĐ-ST ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Sơn La như sau:

1.1 Xử cho chị Cầm Thị Huyền T được ly hôn với anh Lò Văn Q.

1.2 Bác yêu cầu của anh Lò Văn Q việc yêu cầu chị Cầm Thị Huyền T hoàn trả các chi phí ăn học cho bố mẹ anh Lò Văn Q với số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

[2] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn anh Lò Văn Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0000578 ngày 29/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, tỉnh Sơn La.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 24/6/2021).

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện C1;
- VKSND huyện C1;
- Chi cục THADS huyện C1;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tòng Thị Hiền